

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VIỄN THÔNG – TIN HỌC BƯU ĐIỆN**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2020**

*Hà Nội, tháng 03/2021*



## MỤC LỤC

<b>PHẦN 1. TÓM TẮT CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN.....</b>	<b>3</b>
1. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN NĂM 2020 .....	3
2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN GIAI ĐOẠN 2016-2020 .....	4
<b>PHẦN 2. GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>6</b>
1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT .....	6
2. TẦM NHÌN: .....	6
3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN .....	6
4. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG .....	8
5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	9
6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....	15
7. CÁC RỦI RO .....	17
<b>PHẦN 3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 .....</b>	<b>19</b>
1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH .....	19
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ .....	21
3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	22
<b>PHẦN 4. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>24</b>
1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH .....	24
2. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020 .....	24
3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 .....	26
<b>PHẦN 5. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>29</b>
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	29
2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT .....	30
<b>PHẦN 6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2020 .....</b>	<b>32</b>

## PHẦN 1. TÓM TẮT CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

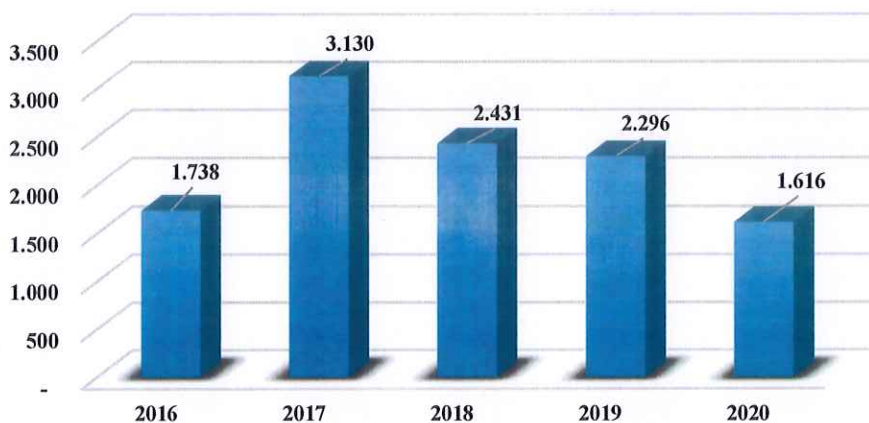
## 1. Chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.583
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.583
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.431
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	152
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	28
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	46
Phân lãi trong công ty liên kết	Tỷ đồng	-
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	15
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	37
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	81
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	1
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	82
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	68
<b>Bảng cân đối kế toán</b>		
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.161
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	321,85
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	698
BVPS (31/12)	Đồng	21.687
EPS	Đồng	2.113
<b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>		
ROA	%	3,15%
ROE	%	9,75%
Hệ số thanh toán ngắn hạn		1,34
Hệ số thanh toán nhanh		0,99

2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản giai đoạn 2016-2020

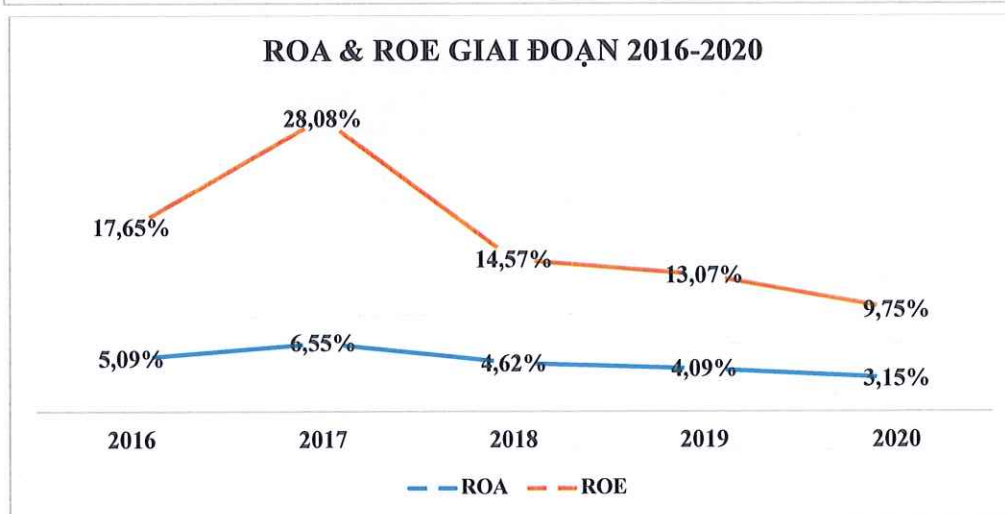
Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.738	3.130	2.431	2.296	1.616
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	99	208	109	109	82
<b>Bảng cân đối kế toán</b>						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.565	2.557	2.012	2.197	2.161
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	451	596	638	687	698
BVPS (31/12)	Đồng	28.748	18.522	19.827	21.337	21.687
EPS	Đồng	4.509	8.423	2.690	2.789	2.113
<b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>						
ROA	%	5,09%	6,55%	4,62%	4,09%	3,15%
ROE	%	17,65%	28,08%	14,57%	13,07%	9,75%

Tổng doanh thu giai đoạn 2016-2020



Lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2016-2020





## PHẦN 2. GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY

### 1. Thông tin khái quát

Tên công ty	: Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện
Tên viết tắt	: CTIN
Mã cổ phiếu	: ICT
Vốn điều lệ	: 321.850.000.000 đồng
Mã số thuế	: 0100683374
Địa chỉ trụ sở chính	: 158/2 phố Hồng Mai, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	: 024.38634597
Fax	: 024.38632061
Website	: www.ctin.vn

### 2. Tầm nhìn

Trở thành Công ty tích hợp hệ thống số 1 tại Việt Nam.

Định hướng phát triển thành Công ty công nghệ chuyên nghiệp trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, không ngừng đổi mới sáng tạo để kiến tạo ra hệ sinh thái ứng dụng dựa trên nền tảng số phục vụ Chính phủ, doanh nghiệp và người sử dụng.

### 3. Quá trình hình thành và phát triển

Năm	Sự kiện
1972	- Xí nghiệp Sửa chữa Thiết bị Thông tin I.
2001	- Chuyển đổi sang Công ty Cổ phần.
2002	- Đối tác chỉ định đầu tiên cung cấp công nghệ cao trong các dự án mạng quang của Cisco tại Việt Nam. - Một trong 3 đối tác ATP của Cisco tại khu vực ASEAN và thứ 7 toàn châu Á.
2005	- Nhận Bằng khen “Doanh nghiệp quản lý chất lượng sản xuất phần mềm” của Bộ Bưu chính Viễn thông. - Nhận Bằng khen giải Sao Khuê của VINASA và huy chương vàng cho “Hệ thống thông tin điều hành AIS”.
2006	- Ký hợp đồng và triển khai các dự án viễn thông triển khai trọn gói từ lắp đặt, hoà mạng, nghiệm thu bàn giao. - Triển khai thành công dự án EPC Viba Pasolink tại mạng HT-Mobile. - Đạt giải thưởng Top Optical Partner FY 2006 của Cisco.
2007	- Nhận Bằng khen giải Sao Khuê 2007 cho Hệ thống thông tin điều hành - AIS. - Đối tác Bạc (Silver Partner) của Cisco. - Ký hợp đồng thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống Mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan Đảng và Nhà nước với Cục Bưu điện Trung

Năm	Sự kiện
	<p>ương. Dự án đánh dấu năng lực của CTIN đã lên một tầm mới, có khả năng triển khai các dự án giá trị triệu USD, trải rộng trên toàn quốc.</p>
2010	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lọt vào top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2010.</li> <li>- Đối tác duy nhất tại Việt Nam và là 1 trong 2 đối tác tại khu vực Đông Nam Á được trao chứng chỉ “Global Silver Engineering Partner” của Huawei.</li> <li>- Nhận “Cúp Thăng Long năm 2010” của Thành phố Hà Nội.</li> <li>- Đạt nhiều giải thưởng của Cisco trong năm tài chính 2009:               <ul style="list-style-type: none"> <li>o Top SI FY 2010;</li> <li>o Top Service FY 2010;</li> <li>o Customer Satisfaction Excellence FY 2010.</li> </ul> </li> </ul>
2011	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận giải “Đối tác triển khai giải pháp Viễn thông xuất sắc nhất năm 2011” của IBM.</li> <li>- Đối tác hàng đầu của Cisco trong thị trường các nhà cung cấp dịch vụ.</li> <li>- Đạt các giải thưởng của Cisco:               <ul style="list-style-type: none"> <li>o Top Service Provider Partner;</li> <li>o Top Advanced Service Partner;</li> <li>o Customer Satisfaction Excellence Partner.</li> </ul> </li> </ul>
2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt chứng chỉ CMMi level 3.</li> <li>- Năm thứ 2 liên tục nhận giải thưởng “Đối tác xuất sắc trong thị trường các nhà cung cấp dịch vụ” của Cisco.</li> <li>- Xây dựng Hệ thống giám sát các sự cố an toàn mạng thuộc dự án “Xây dựng hệ thống kỹ thuật an toàn mạng quốc gia” tại VNCERT-Bộ TTTT. Giá trị hợp đồng 1,1 triệu USD.</li> <li>- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2012.</li> <li>- Top 200 DNTN đóng thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam.</li> </ul>
2013	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục triển khai Hệ thống kỹ thuật an toàn mạng quốc gia cùng VNCERT.</li> <li>- Lắp đặt hệ thống giám sát và an ninh tòa nhà Trung tâm điều hành khai thác và phát triển các dịch vụ Tin học - Viễn thông tại 57 Huỳnh Thúc Kháng.</li> <li>- Cung cấp hệ thống giám sát sự cố an toàn mạng giai đoạn II.</li> <li>- Mở rộng hệ thống hạ tầng Áo hóa phục vụ cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.</li> <li>- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2013.</li> <li>- Top 200 DNTN đóng thuế thu nhập lớn nhất VN.</li> </ul>
2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận Giải thưởng: 30 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam 2014.</li> <li>- Nhận Giải thưởng: “Managed Service Partner” và “Top Service SI Partner” của Cisco Systems.</li> <li>- Tối ưu, mở rộng và nâng cao chất lượng vùng phủ sóng 2G mạng VinaPhone tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Kiên Giang, Bình Dương, Tiền Giang, Bến Tre.</li> </ul>

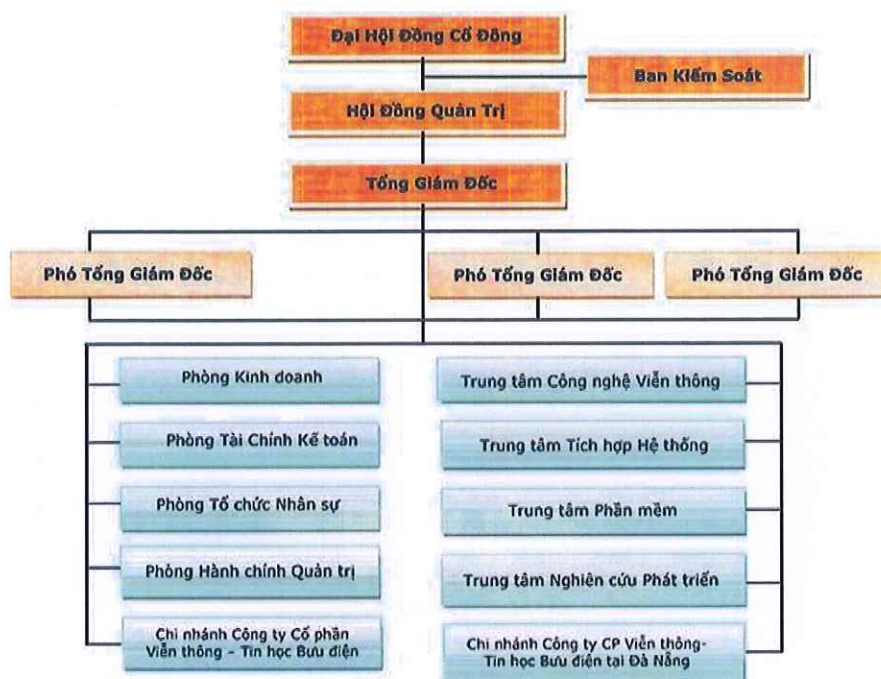
<b>Năm</b>	<b>Sự kiện</b>
2018	- Nhận giải thưởng “Top System Integrator Partner of FY18” và “Top Global Service Provider Partner of FY18” của Cisco. - Năm thứ 5 liên tiếp lọt vào Top 50 Doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam. - Top doanh nghiệp Giải pháp phần mềm và Tích hợp hệ thống uy tín năm 2018.
2019	- Lần thứ 6 liên tiếp nhận danh hiệu Doanh nghiệp Công nghệ Thông tin hàng đầu Việt Nam.
2020	- Top 10 Doanh nghiệp Công nghệ cung cấp dịch vụ, giải pháp phần mềm & tích hợp hệ thống uy tín. - Top 10 Doanh nghiệp CNTT hạng mục Dịch vụ và Giải pháp CNTT. - Top SI và Service Provider của hãng Cisco.

**4. Lĩnh vực hoạt động**

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm chất lượng mạng viễn thông;
- Đại lý kinh doanh dịch vụ ứng dụng trên mạng Internet và viễn thông;
- Dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực viễn thông;
- Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông;
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;
- Dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Đầu tư sản xuất sản phẩm phần mềm;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà;
- Dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực tin học;
- Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tin học;
- Kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông và tin học bao gồm cả xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hệ thống đồng bộ trong lĩnh vực viễn thông và tin học;
- Xây dựng hạ tầng viễn thông, các hệ thống trung tâm dữ liệu (Data center);
- Xây lắp công trình viễn thông;
- Dịch vụ trung gian thanh toán;
- Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu công nghệ thông tin;
- Đại lý xổ số.



5. Mô hình quản trị công ty



5.1. Công ty con:

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện
- Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ: 100%
- Địa chỉ: 158/2 Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ trung gian thanh toán.

5.2. Giới thiệu Ban lãnh đạo

5.2.1. Thành viên Hội đồng Quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2.	Ông Tô Hoài Văn	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3.	Ông Hà Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
4.	Ông Hoàng Anh Lộc	Thành viên Hội đồng quản trị
5.	Ông Nguyễn Thế Thịnh	Thành viên Hội đồng quản trị
6.	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị
7.	Ông Phạm Văn Hạnh	Thành viên Hội đồng quản trị

Giới thiệu về Thành viên Hội đồng Quản trị		
1.	<b>Ông Nguyễn Trí Dũng</b> <b>Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> Năm sinh: 1958	Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vô tuyến điện <b>Quá trình công tác:</b> - Từ tháng 04/1981 đến tháng 02/1982: Công tác tại phân xưởng II thuộc Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị

<b>Giới thiệu về Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
		<p>Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 02/1982 đến tháng 05/1984: Đi nghĩa vụ quân sự.</li> <li>- Từ tháng 06/1984 đến tháng 02/1988: Công tác tại phân xưởng II thuộc Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</li> <li>- Từ tháng 02/1988 đến tháng 03/1991: Công tác tại phòng kế hoạch vật tư thuộc Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</li> <li>- Từ tháng 03/1991 đến tháng 12/1992: Phó phòng kinh tế thuộc Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</li> <li>- Từ tháng 12/1992 đến tháng 04/2000: Phó Giám đốc Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</li> <li>- Từ tháng 04/2000 đến tháng 11/2001: Giám đốc Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</li> <li>- Từ tháng 11/2001 đến tháng 09/2018: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Thông - Tin học Bưu điện.</li> <li>- Từ tháng 10/2018 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> </ul>
2.	<b>Ông Tô Hoài Văn</b> Chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Chi tiết tại phần giới thiệu về Ban Tổng Giám đốc Công ty.
3.	<b>Ông Hà Thanh Hải</b> Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị	Chi tiết tại phần giới thiệu về Ban Tổng Giám đốc Công ty.
4.	<b>Ông Hoàng Anh Lộc</b> Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị	Chi tiết tại phần giới thiệu về Ban Tổng Giám đốc Công ty.
5.	<b>Ông Nguyễn Thế Thịnh</b>	Chi tiết tại phần giới thiệu về Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Giới thiệu về Thành viên Hội đồng Quản trị		
	<b>Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị</b>	
6.	<b>Ông Nguyễn Ngọc Sơn</b> <b>Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị</b>	Chi tiết tại phần giới thiệu về Kế toán trưởng Công ty.
7.	<b>Ông Phạm Văn Hạnh</b> <b>Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị</b> Năm sinh: 1972	<b>Trình độ chuyên môn:</b> Kỹ sư viễn thông, Thạc sỹ kỹ thuật. <b>Quá trình công tác:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 04/1992 đến nay: Công tác tại Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện). <ul style="list-style-type: none"> <li>o Từ tháng 01/1999 đến tháng 03/2007: Phó Trưởng Trung tâm Công nghệ Viễn thông thuộc Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện;</li> <li>o Từ tháng 03/2007 đến nay: Giám đốc Trung tâm Công nghệ Viễn thông thuộc Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện.</li> </ul> </li> </ul>

**5.2.2. Thành viên Ban kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Bà Lâm Nhị Hà	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Ông Nguyễn Thành Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát
3.	Bà Nguyễn Thị Thuý Hà	Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 19/6/2020)

Giới thiệu về Thành viên Ban Kiểm soát		
1.	<b>Bà Lâm Nhị Hà</b> <b>Chức danh: Trưởng Ban kiểm soát</b> Năm sinh: 1961	<b>Trình độ chuyên môn:</b> Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật. <b>Quá trình công tác:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 1983 đến năm 1999: Công tác tại Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.</li> <li>- Từ tháng 03/1999 đến tháng 02/2016: Kế toán trưởng Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</li> <li>- Từ năm 2017 đến tháng 10/2019: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> <li>- Từ tháng 10/2019 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> </ul>
2.	<b>Ông Nguyễn Thành Hiếu</b>	<b>Trình độ chuyên môn:</b> Cử nhân Vật lý, Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng. <b>Quá trình công tác:</b>

Giới thiệu về Thành viên Ban Kiểm soát		
	<p><b>Chức danh: Thành viên Ban kiểm soát</b> Năm sinh: 1974</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 1995 đến năm 1999: Cán bộ kỹ thuật Trung tâm ứng dụng công nghệ Viễn thông mới (nay là Trung tâm Công nghệ viễn thông), Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</li> <li>- Từ năm 1999 đến năm 2001: Phó trưởng Trung tâm ứng dụng công nghệ viễn thông mới (nay là Trung tâm Công nghệ viễn thông), Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</li> <li>- Từ năm 2001 đến nay: Phó Giám đốc Kinh doanh, Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> <li>- Từ tháng 10/2019 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> </ul>
3.	<p><b>Bà Nguyễn Thị Thuý Hà</b> <b>Chức danh: Thành viên Ban kiểm soát</b> Năm sinh: 1975</p>	<p><b>Trình độ chuyên môn:</b> Cử nhân chuyên ngành kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Công tác tại Ban Kế toán Tài chính – Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam</p>

**5.2.3. Thành viên Ban Tổng Giám đốc:**

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
2.	Ông Tô Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Hoàng Anh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Nguyễn Thế Thịnh	Phó Tổng Giám đốc

Giới thiệu về Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
1.	<p><b>Ông Hà Thanh Hải</b> <b>Chức danh: Tổng Giám đốc</b> Năm sinh: 1976</p>	<p><b>Trình độ chuyên môn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ sư Điện – Điện tử;</li> <li>- Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng;</li> <li>- Cử nhân Chính trị học chuyên ngành Chính trị học Phát triển;</li> <li>- Thạc sỹ Quản lý Kinh doanh;</li> <li>- Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh.</li> </ul> <p><b>Quá trình công tác:</b></p>

<b>Giới thiệu về Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 04/2001 đến tháng 03/2008: Kỹ sư, chuyên viên bán hàng tại Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> <li>- Từ tháng 09/2007 đến tháng 09/2017: Cán bộ biệt phái của Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội.</li> <li>- Từ tháng 11/2016 đến tháng 09/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> <li>- Từ tháng 05/2017 đến nay: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> <li>- Từ tháng 09/2018 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> </ul>
2.	<p><b>Ông Tô Hoài Văn</b>  <b>Chức danh: Phó Tổng Giám đốc</b>                      Năm sinh: 1964</p>	<p><b>Trình độ chuyên môn:</b> Thạc sỹ Kinh tế, Kỹ sư máy tính.  <b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 01/1990 đến tháng 11/1991: Kỹ sư máy tính viện vật lí – viện khoa học Việt Nam.</li> <li>- Từ tháng 11/1991 đến tháng 09/1992: Kỹ sư máy tính – phân xưởng tổng đài tại Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</li> <li>- Từ tháng 09/1992 đến tháng 03/1994: Phó phòng kinh tế Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</li> <li>- Từ tháng 03/1994 đến 04/1996: Trưởng phòng kế hoạch Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</li> <li>- Từ tháng 04/1996 đến tháng 11/2001: Phó Giám đốc Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</li> <li>- Từ tháng 11/2001 đến nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> </ul>
3.	<p><b>Ông Hoàng Anh Lộc</b>  <b>Chức danh: Phó Tổng Giám đốc</b>                      Năm sinh: 1972</p>	<p><b>Trình độ chuyên môn:</b> Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư nhiệt Công nghiệp.  <b>Quá trình công tác:</b></p>

<b>Giới thiệu về Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 09/1994 đến nay: Công tác tại Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).                             <ul style="list-style-type: none"> <li>o Từ tháng 01/2003 đến tháng 12/2009: Phó Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> <li>o Từ tháng 01/2010 đến tháng 10/2016: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> <li>o Từ tháng 11/2016 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện, kiêm nhiệm Giám đốc Kinh doanh (đến hết ngày 31/12/2020)</li> </ul> </li> </ul>
4.	<p><b>Ông Nguyễn Thế Thịnh</b>  <b>Chức danh: Phó Tổng Giám đốc</b>                      Năm sinh: 1964</p>	<p><b>Trình độ chuyên môn:</b> Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư nhiệt Công nghiệp.</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 12/1987 đến tháng 04/1992: Kỹ sư Viện thiết kế kỹ thuật Thương mại – Bộ Nội thương.</li> <li>- Từ tháng 04/1992 đến nay: Công tác Xí nghiệp Khoa học sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).                             <ul style="list-style-type: none"> <li>o Từ tháng 02/1996 đến tháng 12/1998: Phó phòng kinh tế Xí nghiệp Khoa học sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).</li> <li>o Từ tháng 01/1999 đến tháng 12/2001: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> <li>o Từ tháng 01/2002 đến tháng 09/2009: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> <li>o Từ tháng 10/2009 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.</li> <li>o Từ tháng 01/2018 đến nay: Được Công ty điều động biệt phái giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội.</li> </ul> </li> </ul>

Giới thiệu về Kế toán trưởng	
<p><b>Ông Nguyễn Ngọc Sơn</b>  <b>Chức danh: Kế toán trưởng</b>                      Năm sinh: 1972</p>	<p><b>Trình độ chuyên môn:</b> Cử nhân Tài chính – Tin dụng</p> <p><b>Quá trình công tác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 10/1993 đến tháng 09/1998: Công tác tại phòng Kế toán thống kê tài chính, Công ty Xi măng Hà Tiên II.</li> <li>- Từ tháng 09/1998 đến tháng 10/1999: Công tác tại phòng Kế toán thống kê tài chính, Công ty Xi măng Bút sơn.</li> <li>- Từ tháng 11/1999 đến nay: Công tác tại Phòng Tài chính, Xí nghiệp Khoa học sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).                             <ul style="list-style-type: none"> <li>o Từ tháng 11/1999 đến tháng 11/2009: Nhân viên Phòng tài chính.</li> <li>o Từ tháng 11/2001 đến tháng 07/2017: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện;</li> <li>o Từ tháng 07/2007 đến tháng 04/2016: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện;</li> <li>o Từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2016: Phó Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện;</li> <li>o Từ tháng 02/2016 đến tháng 11/2016: Phó Giám đốc tài chính – Phụ trách phòng Tài chính Kế toán tại Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện;</li> <li>o Từ tháng 11/2016 đến tháng 05/2017: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện;</li> <li>o Từ tháng 05/2017 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng và Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện;</li> </ul> </li> </ul>

## 6. Định hướng phát triển

### 6.1. Duy trì thị trường nhà mạng viễn thông truyền thống:

- ❖ Tầm nhìn:
  - Là công ty tích hợp hệ thống số 1 tại thị trường nhà mạng viễn thông truyền thống (Telcos);
  - Đóng vai trò là đơn vị trụ cột trong Tập đoàn VNPT trong các lĩnh vực cung cấp hàng hóa thiết bị, dịch vụ thiết kế, triển khai, bảo trì và tối ưu hóa mạng lưới.
- ❖ Định hướng về thị trường mục tiêu:
  - Tập trung tăng trưởng doanh thu trong lĩnh vực tích hợp hệ thống để giữ vững vị trí số 1 tại 2 nhà mạng truyền thống VNPT và Mobifone, đồng thời phát triển mở rộng thị phần tại thị trường Viettel;
  - Nỗ lực thúc đẩy lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận hành thuê cho các nhà mạng. Trong dài hạn, sự tham gia vào mô hình thuê ngoài vận hành sẽ điều chỉnh mối quan hệ

giữa CTIN với các nhà mạng từ quan hệ mua – bán sang quan hệ đối tác về kỹ thuật công nghệ theo hình thức chia sẻ lợi ích từ lợi nhuận, từ doanh thu hay từ lưu lượng của nhà mạng.

**6.2. Phát triển kinh doanh trong thị trường Chính phủ - Doanh nghiệp:**

❖ Tầm nhìn:

- Trở thành công ty tích hợp hệ thống hàng đầu tại thị trường Việt Nam trong thị trường Chính phủ - Doanh nghiệp;
- Trở thành một trong những đơn vị trụ cột trong quá trình dẫn dắt của Tập đoàn VNPT trong các chương trình chuyển đổi số quốc gia.

❖ Định hướng về thị trường mục tiêu:

- Triển khai đa dạng hóa các giải pháp tích hợp cao như giải pháp về cơ – điện (M&E) với khả năng tự động hóa (Automation) và tính thông minh (Smart), các giải pháp bảo mật (Security) sử dụng công nghệ điện toán đám mây kết hợp với trí tuệ nhân tạo (AI) để đảm bảo các mục tiêu và an toàn cho Doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ đón đầu xu hướng để triển khai các giải pháp tích hợp hệ thống có tính phổ rộng như IoT, Smart City, Smart Hospital, E-Government, v.v...
- Tham gia sâu rộng vào các chương trình mua sắm đầu tư công của Chính phủ và các doanh nghiệp lớn; đặc biệt là các dự án đầu tư công – tư của Chính phủ hay các dự án có tính đặc thù chuyên biệt cao của các doanh nghiệp; mục tiêu chiếm ít nhất 30% thị phần tại một số khách hàng chủ chốt, đặc biệt chú trọng các bộ ban ngành và các doanh nghiệp đã xây dựng được mối quan hệ lâu dài như Bộ Tài Chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công An, Bộ Quốc Phòng, Bộ Giao thông Vận tải và các Doanh nghiệp thuộc bộ, EVN, Ngân hàng Nhà nước và một số Ngân hàng thương mại;
- Bám sát các dự án đầu tư về giải pháp tích hợp hệ thống viễn thông và tin học của khách hàng;
- Trở thành đơn vị có khả năng tư vấn cho khách hàng về lựa chọn các giải pháp đầu tư, giúp khách hàng mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tập trung phát triển các dự án đầu tư – vận hành thuê và thu phí cho các đối tượng khách hàng trong thị trường Chính phủ - Doanh nghiệp.

**6.3. Hợp tác kinh doanh các dịch vụ số:**

❖ Cơ sở thực hiện:

- Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nở ra với những đột phá về công nghệ.

❖ Định hướng về thị trường mục tiêu:

- Thúc đẩy mô hình liên kết/ hợp tác với các đối tác và các nhà mạng khác nhằm cung cấp các giải pháp, sản phẩm và dịch vụ số cho các khách hàng Chính phủ - Doanh nghiệp với thương hiệu chung của Tập đoàn VNPT;
- Hợp tác với các nhà khai thác dịch vụ viễn thông – tin học nhằm cung cấp các dịch vụ số cho khách hàng tiêu dùng cuối cùng (consumer). Đồng thời khai thác dữ liệu khách hàng (big data mining) nhằm phát triển thêm các dịch vụ;



- Tập trung xây dựng hệ sinh thái thanh toán cho các loại dịch vụ trên nền tảng mạng thông tin di động.

**6.4. Đầu tư xây dựng và cho thuê hạ tầng:**

❖ Cơ sở thực hiện:

- Mô hình nhà mạng thuê lại hạ tầng của các đơn vị khác đầu tư cũng rất phổ biến trên thế giới;
- Bên cạnh đối tượng khách hàng là các nhà mạng, thị trường Chính phủ - Doanh nghiệp cũng đón đầu xu hướng này nhằm giúp các tổ chức này tiết kiệm nguồn vốn đầu tư và thời gian cho các thủ tục đầu tư ban đầu.

❖ Định hướng về thị trường mục tiêu:

- Phối hợp với các nhà mạng telcos nhằm chuẩn hóa việc đầu tư xây dựng hạ tầng với mục tiêu biến mỗi nhà trạm thành một trung tâm dữ liệu nhỏ;
- Cho thuê cơ sở hạ tầng trong thị trường là các nhà mạng truyền thống như trạm thu phát sóng đa năng, cáp quang và hạ tầng viễn thông tin học trong các tòa nhà;
- Cho thuê cơ sở hạ tầng trung tâm cơ sở dữ liệu (Data center), các hệ thống IT thông qua mô hình hợp tác chia sẻ doanh thu hoặc lợi nhuận với Tập đoàn VNPT và các nhà mạng khác;
- Mục tiêu chuyển dần quan hệ giữa CTIN và các khách hàng từ quan hệ mua – bán sang quan hệ thuê mua định kỳ, là đối tác theo định hướng chia sẻ lợi ích, đôi bên đều có lợi.

**7. Các rủi ro**

<b>Loại rủi ro</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Biện pháp quản trị rủi ro</b>
<b>Rủi ro về tỷ giá</b>	Hoạt động kinh doanh của Công ty gắn liền với hoạt động nhập khẩu thiết bị, công nghệ từ nước ngoài, nên việc biến động tỷ giá ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.	Thường xuyên xem xét và đánh giá các nhân tố chính có tác động lên tỷ giá. Áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt dựa trên các đánh giá về biến động tỷ giá.
<b>Rủi ro về lãi suất vay ngân hàng</b>	Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu bằng nguồn vốn vay của các ngân hàng, khi nguồn vốn và lãi suất cho vay của các ngân hàng biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.	Theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý.
<b>Rủi ro về khoản phải thu</b>	Tại thời điểm 31/12/2020 tổng số dư nợ phải thu của công ty là 1.440 tỷ đồng, trong đó có những khoản phải thu tiềm ẩn rủi ro về thời hạn thanh toán (khách hàng không thể thanh toán đúng hạn), ảnh hưởng tiêu cực	Xây dựng quy trình nhằm tăng cường công tác giám sát quản lý dự án, theo dõi và thu hồi công nợ; giảm thiểu các rủi ro phát sinh và tăng hiệu quả trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Loại rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản trị rủi ro
	đến dòng tiền và hiệu quả kinh doanh của Công ty.	Phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.
<b>Rủi ro về hàng hoá</b>	Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh nên Công ty chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa, ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.	Theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý.
<b>Rủi ro suy giảm năng lực cạnh tranh</b>	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty có rào cản gia nhập ngành thấp, Công ty đã và đang đối diện với những khó khăn lớn khi các công ty mới nổi phát triển nhanh chóng giành thị phần.	Liên tục cải tiến mô hình kinh doanh, cải tiến hệ thống quản trị nội bộ để tối ưu hoá việc vận hành và tối ưu hoá chi phí. Tăng cường đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ, đặc biệt đội ngũ cán bộ nghiên cứu và phát triển công nghệ để nắm bắt công nghệ mới và tăng tính cạnh tranh.
<b>Rủi ro về nguồn nhân lực</b>	Rủi ro về nguồn nhân lực liên quan đến cạnh tranh thu hút nhân sự chất lượng cao chưa bắt kịp nhu cầu tăng trưởng cũng như các chuẩn mực quốc tế.	Xây dựng Công ty thành tổ chức học tập, phát triển lực lượng lao động có trình độ cao, tổ chức tốt nguồn nhân lực, quy hoạch nhân sự quản lý với định hướng dài hạn. Xây dựng môi trường làm việc tốt để nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút nguồn nhân lực.

### PHẦN 3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

#### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

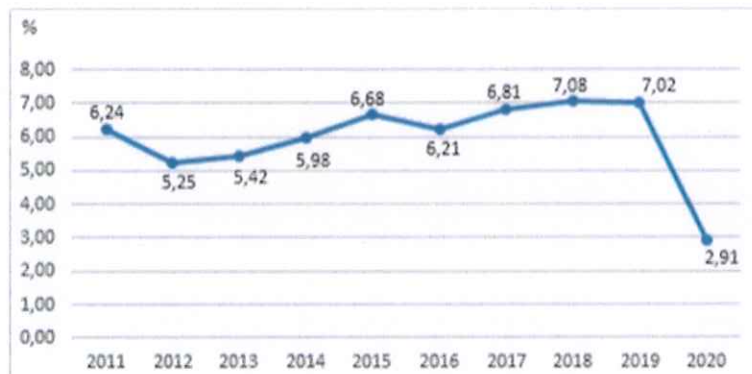
##### 1.1. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020

- Bối cảnh kinh tế vĩ mô

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%.

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ – Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới.

**TỐC ĐỘ TĂNG GDP GIAI ĐOẠN 2010-2020**



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2021)

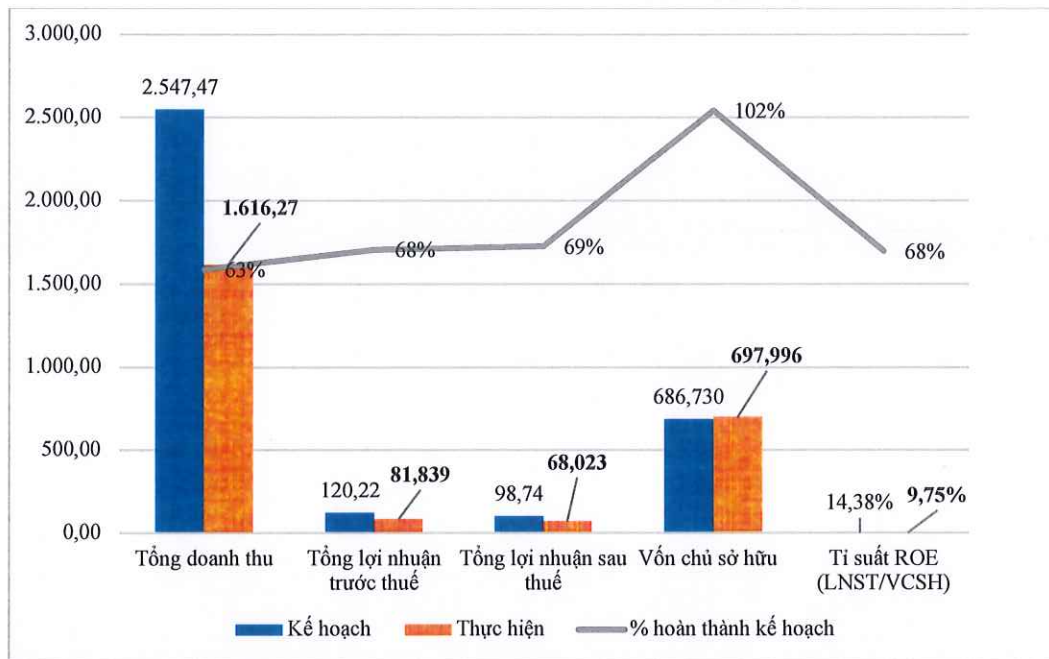
- Tình hình hoạt động năm 2020:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2020		TH 2020		TH 2020/KH 2020	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	2.547,15	2.547,47	1.616,04	1.616,27	63%	63%
1.1	Doanh thu hoạt động SXKD chính	2.518,15	2.518,47	1.582,95	1.582,95	63%	63%
1.2	Doanh thu hoạt động Tài chính	22	22	27,94	28,16	127%	128%

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

STT	Chỉ tiêu	KH 2020		TH 2020		TH 2020/KH 2020	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1.3	Doanh thu khác	7	7	5,16	5,16	74%	74%
2	Lợi nhuận trước thuế	120	120,22	79,31	81,84	66%	68%
3	Lợi nhuận sau thuế	98,56	98,74	66,00	68,02	67%	69%
4	VCSH	679,91	686,73	689,16	698,00	101%	102%
5	Tỉ suất LNST/VCSH (ROE)	14,90%	14,38%	9,58%	9,75%	64%	68%



**1.2. Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.738	3.130	2.431	2.296	1.616
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.708	3.083	2.367	2.261	1.583

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.708	3.081	2.367	2.260	1.583
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.538	2.801	2.189	2.042	1.431
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	170	280	178	218	152
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	24	40	56	28	28
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	29	48	65	41	46
Phần lãi trong công ty liên kết	Tỷ đồng	-	17	5	(2)	
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	3	9	7	46	15
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	63	77	66	52	37
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	100	203	101	105	81
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	(0)	5	7	5	1
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	99	208	109	109	82
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	80	167	93	90	68
<b>Bảng cân đối kế toán</b>						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.565	2.557	2.012	2.197	2.161
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	157	321,85	321,85	321,85	321,85
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	451	596	638	687	698
BVPS (31/12)	đồng	28.748	18.522	19.827	21.337	21.687
EPS	đồng	4.509	8.423	2.690	2.789	2.113
<b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>						
ROA	%	5,09%	6,55%	4,62%	4,09%	3,15%
ROE	%	17,65%	28,08%	14,57%	13,07%	9,75%

**2. Tổ chức và nhân sự**

**2.1. Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2020**

Trong năm 2020, Công ty không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

**2.2. Chính sách đối với người lao động**

**Chế độ làm việc:**

- Thời gian làm việc: Tổng công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần;
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: Theo quy định của Bộ Luật Lao động;
- Người lao động được trang bị đầy đủ các công cụ và điều kiện làm việc một cách tốt nhất;
- Lực lượng lao động trực tiếp, được trang bị đầy đủ các phương tiện an toàn và bảo hộ lao động.

***Chính sách tuyển dụng, đào tạo:***

- Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân tài, lao động có trình độ, chuyên môn vào làm việc cho Công ty. Tùy từng vị trí cụ thể, Công ty có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng nhằm đáp ứng tốt nhất nguồn nhân lực cho hoạt động kinh doanh;
- Công ty xác định công tác đào tạo phải xuất phát từ lợi ích Công ty và phải được thực hiện thường xuyên. Ngoài việc khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV của Công ty tự giác học tập, nâng cao tay nghề, Công ty còn thường xuyên tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hoặc cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề;
- CBCNV được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ mát hàng năm cho CBCNV,... từ đó tạo niềm tin, tinh thần làm việc nhóm và tạo động lực phấn đấu cho người lao động, đóng góp vào sự phát triển của Công ty;
- Hàng năm, Công ty thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức cho nhân viên. Công ty cũng có những chính sách đãi ngộ nhân viên như: Tổ chức khám bệnh định kỳ hàng năm và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con em của cán bộ nhân viên Công ty thông qua các tổ chức đoàn thể của Công ty.

**2.3. Thống kê nhân sự năm 2020**

<b>Diễn giải</b>	<b>Đầu năm 2020</b>	<b>Cuối năm 2020</b>
Tổng số lao động	485	457
<b><i>Trong đó:</i></b>		
- Lao động có trình độ trên Đại học	28	28
- Lao động có trình độ Đại học & tương đương	279	250
- Lao động có trình độ Cao đẳng & tương đương	51	42
- Lao động có trình độ Trung cấp & tương đương	89	106
- Lao động có trình độ Công nhân & Tốt nghiệp PTTH	38	31
- Lao động có trình độ cao	11 người đạt chứng chỉ CCIE của hãng Cisco.	11 người đạt chứng chỉ CCIE của hãng Cisco và 4 người đạt chứng chỉ PMP của PMI.

**3. Tình hình tài chính**

**3.1. Tình hình tài chính**

*ĐVT: Tỷ đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2020/ 2019</b>
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.197	2.161	98%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.260	1.583	70%
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	28	28	100%

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2020/ 2019
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	105	81	77%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	109	82	75%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	90	68	76%

**3.2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2020/2019
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,35	1,34	99,8%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,17	0,98	85%
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	69%	68%	98%
Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	%	220%	210%	95%
<b>3. Chỉ tiêu năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,17	3,6	70%
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	1,03	0,73	71%
Vòng quay khoản phải thu	Lần	1,81	1,28	71%
Vòng quay khoản phải trả	Lần	1,25	1,13	90%
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>				
Hệ số LNST / Tổng TS	%	4,09	3,15	77%
Hệ số LNST / VCSH	%	13,07	9,75	75%
Hệ số LNST / DTT	%	3,97	4,30	108%
Hệ số LN từ HĐKD / DTT	%	4,63	5,12	111%

## PHẦN 4. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Thuận lợi:

- Sự đồng lòng nhất trí trong định hướng kinh doanh năm 2020 của Ban lãnh đạo Công ty và toàn bộ các đơn vị, người lao động trong Công ty.
- Thực hiện công tác lập kế hoạch, theo dõi và điều chỉnh kịp thời kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với bối cảnh kinh tế vĩ mô nói chung và của ngành nói riêng.

#### 1.2. Khó khăn:

- Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam nói riêng và thị trường tài chính thế giới nói chung chịu nhiều tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19. Căng thẳng thương mại giữa các nước lớn, tỉ giá biến động có ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh của Công ty do phần lớn hàng hóa Công ty cung cấp đều được nhập khẩu từ nước ngoài.
- Thị trường mạng viễn thông truyền thống cắt giảm đầu tư vào mạng lưới do đã cuối chu kỳ công nghệ 4G. Dịch Covid-19 khiến quá trình đầu tư của các khách hàng bị chậm tiến độ do phải tuân thủ các quy định giãn cách xã hội, vì vậy mặc dù kết quả kinh doanh của năm 2020 đạt mức thấp nhất trong 5 năm gần đây nhưng tổng giá trị các dự án đang triển khai dở dang kết chuyển doanh thu sang năm 2021 rất lớn, lên đến ~950 tỷ đồng và cao hơn 3-4 lần so với các năm trước.
- Sự cạnh tranh trong lĩnh vực cung cấp hàng hóa thiết bị dịch vụ cho các nhà mạng diễn ra khốc liệt khiến biên lợi nhuận của dự án giảm sút, ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận Công ty.
- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty có rào cản gia nhập ngành thấp, Công ty đã và đang đối diện với những khó khăn lớn khi các công ty mới nổi phát triển nhanh chóng giành thị phần.

### 2. Kết quả kinh doanh năm 2020

#### 2.1. Kết quả kinh doanh hợp nhất

STT	Chỉ Tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	So sánh	
					So với TH 2019	So với KH 2020
1	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.295,94</b>	<b>2.547,47</b>	<b>1.616,27</b>	<b>70%</b>	<b>63%</b>
1.1	Doanh thu hoạt động SXKD chính	2.261,19	2.518,47	1.582,95	70%	63%
1.2	Doanh thu hoạt động Tài chính	28,22	22	28,16	100%	128%
1.3	Doanh thu khác	6,54	7	5,16	79%	74%
2	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>109,29</b>	<b>120,21</b>	<b>81,84</b>	<b>75%</b>	<b>68%</b>
3	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>89,76</b>	<b>98,74</b>	<b>68,02</b>	<b>76%</b>	<b>69%</b>

#### 2.2. Tình hình biến động tài sản và nợ phải trả năm 2020



STT	Chỉ Tiêu	TH 2019 (1)	TH 2020 (2)	Chênh lệch (1) – (2)
<b>1</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.196,78</b>	<b>2.160,75</b>	<b>(36,03)</b>
1.1	Tài sản ngắn hạn	2.024,26	1.957,39	(66,88)
1.2	Tài sản dài hạn	172,52	203,36	30,84
<b>2</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>1.510,05</b>	<b>1.462,75</b>	<b>(47,30)</b>
2.1	Nợ phải trả ngắn hạn	1.501,62	1.455,32	(46,30)
2.2	Nợ phải trả dài hạn	8,43	7,44	(0,99)

**Tình hình tài sản:**

Trong năm 2020, tổng tài sản của Công ty giảm 36,03 tỷ đồng từ 2.196,78 tỷ đồng xuống 2.160,75 tỷ đồng, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn giảm 66,88 tỷ đồng từ 2.024,26 tỷ đồng xuống 1.957,39 tỷ đồng;
- Tài sản dài hạn tăng từ 172,52 tỷ đồng lên 203,36 tỷ đồng.

**Nguyên nhân biến động:**

- Biến động tài sản ngắn hạn:
  - o Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm giảm đáng kể (giảm khoảng 54 tỷ đồng);
  - o Cuối năm 2020, các khoản thu ngắn hạn của Công ty giảm từ 1.378 tỷ đồng xuống 1.087 tỷ đồng;
  - o Hàng tồn kho cuối năm tăng so với đầu năm do Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang cuối năm tăng 247 tỷ đồng do một số dự án chưa nghiệm thu được trong năm 2020.
- Biến động tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn năm 2020 của Công ty tăng 30 tỷ đồng do Công ty hiện đang đầu tư hình thành sản cố định nhằm mục đích cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng.

**Tình hình nợ phải trả:**

- Nợ phải trả ngắn hạn giảm: 46,30 tỷ đồng, từ 1.501,62 tỷ đồng xuống 1.455,32 tỷ đồng;
- Nợ phải trả dài hạn giảm: 0,99 tỷ đồng, từ 8,43 tỷ đồng xuống còn 7,44 tỷ đồng.

**Cụ thể:**

- Vay và nợ thuê tài chính năm 2020 giảm từ 829,80 tỷ đồng xuống 691,23 tỷ đồng;
- Phải trả người lao động giảm từ 41,82 tỷ đồng xuống còn 32,12 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do các khoản lương hiệu quả phải trả người lao động năm 2020 giảm hơn so với năm 2019 và sẽ được Công ty chi trả trong Q1/2021.
- Nợ dài hạn cuối năm giảm so với năm 2019: Khoảng 01 tỷ đồng do Công ty thực hiện hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học công nghệ (5 tỷ), trích thêm dự phòng phải trả (khoảng 4 tỷ).

**2.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Năm 2020, Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu hoạt động một cách sâu rộng, sau khi ổn định cơ cấu tổ chức, tiến hành quyết liệt việc giao quyền tự chủ cho các đơn vị trong hoạt động nhân sự, tiền lương, điều hành sản xuất và tự chủ một phần trong kinh doanh, gắn kết trách nhiệm và

quyền lợi được hưởng cho từng đơn vị, cá nhân đồng thời kiện toàn cơ chế quản lý Tài chính nhằm tạo điều kiện phát triển thuận lợi tối đa cho hoạt động kinh doanh của toàn Công ty.

Do tình hình sản xuất kinh doanh 2020 có nhiều yếu tố không thuận lợi nên ngay từ đầu năm 2020, Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều biện pháp cắt giảm và tối ưu các chi phí. Trong năm 2020, các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tiền lương cho người lao động đều giảm hơn rất nhiều so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- Tổng chi phí bán hàng năm 2020: 15,3 tỷ đồng, chỉ tương đương 33,4% so với năm 2019 (45,8 tỷ đồng);
- Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020: 37,4 tỷ đồng giảm gần 15 tỷ đồng so với năm 2019 (52,3 tỷ đồng);
- Tổng chi phí tiền lương, phúc lợi của người lao động năm 2020: Giảm 5,2 tỷ đồng so với năm 2019.

Qua đó, có thể đánh giá mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt mức thấp so với kế hoạch đề ra nhưng nó đã phản ánh sự nỗ lực quyết liệt của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong quá trình tối ưu chi phí và đã đạt được mức lợi nhuận sau thuế/doanh thu là 4,2% cao hơn mức 3,9% của năm 2019.

### 3. Kế hoạch hoạt động năm 2021

#### 3.1. Chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021		Tăng trưởng so với năm 2020	
			Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1,939.25	1,939.52	20%	20%
2	Doanh thu ngoài thị trường VNPT	Tỷ đồng	1,058	N/A	15%	N/A
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	71.94	74.14	9%	9%
4	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10%	11%	9%	9%

*(Lưu ý: Kế hoạch mục tiêu có thể sẽ có sự thay đổi điều chỉnh sau khi cổ đông lớn là Tập đoàn BCVT Việt Nam có ý kiến đối với tờ trình của người đại diện vốn tại doanh nghiệp, kế hoạch mục tiêu đang loại trừ lỗ kế hoạch từ hoạt động kinh doanh của dự án đại lý cung cấp xỏ số Vietlott trên nền tảng di động)*

#### 3.2. Thuận lợi:

- Có sự đồng thuận của toàn thể người lao động cũng như các đơn vị trong việc định hướng SXKD và tái cơ cấu của Công ty;
- Công ty đã tạo dựng thành công các mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng quan trọng, được khách hàng tin tưởng và ủng hộ;

- Trình độ kỹ thuật, công nghệ của Công ty đã được khẳng định qua nhiều năm và được các khách hàng lớn công nhận;
- Nhu cầu đầu tư của các nhà mạng có những dấu hiệu tăng trưởng tốt trong năm 2021. Số lượng dự án đang triển khai dở dang trong năm 2020 sẽ phát sinh doanh thu trong năm 2021 khá lớn;
- Một số dự án chiến lược đã được Công ty chuẩn bị, đầu tư từ nhiều năm trước đến giai đoạn này đã bước đầu trở thành hiện thực và hứa hẹn sẽ mang lại thành công cho Công ty trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

### **3.3. Khó khăn:**

- Thị trường Viễn thông và Công nghệ thông tin tiếp tục có sự cạnh tranh khốc liệt;
- Các dự án đầu tư có tính chất dài hạn của Công ty như dự án liên danh cùng VNPT và Mobifone cung cấp xỏ số Vietlott trên nền tảng di động đang trong quá trình tạo thói quen hành vi tiêu dùng mới nhằm thu hút người sử dụng do đó không những không thể tạo ra lợi nhuận ngay trong những năm đầu tiên của dự án mà còn sẽ phát sinh các khoản lỗ kế hoạch trong hoạt động trong những năm đầu tiên đặc biệt là trong năm 2021 vì dịch vụ này mới được chính thức khai trương vào cuối tháng 12/2020. Dự án Mobile ID (phối hợp với Tập đoàn VNPT) cũng đang bị trì hoãn quá trình cung cấp dịch vụ ra thị trường do sự chậm ban hành các văn bản khung về pháp lý cho các hoạt động liên quan đến xác thực bảo mật của các cơ quan quản lý nhà nước.
- Kinh tế vĩ mô tiềm ẩn nhiều rủi ro đặc biệt liên quan đến tỉ lệ lạm phát (chi phí nhân công và các loại chi phí liên quan trực tiếp tới quá trình sản xuất của Công ty như giá xăng dầu, vận chuyển, ...) và tình hình tài chính (tỉ giá ngoại tệ, lãi suất vay vốn của Ngân hàng) có nhiều biến động;
- Đặc biệt chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc cũng như giữa các nước lớn trên thế giới sẽ có những chuyển biến phức tạp có thể có những tác động rất lớn tới các mối quan hệ hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác nước ngoài;
- Diễn biến phức tạp của đại dịch Covid – 19 trên toàn cầu có thể gây ra hàng loạt khó khăn về nguồn cung hàng hóa, các chi phí vận chuyển, bảo hiểm,... và ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh tế trong nước.

### **3.4. Định hướng chiến lược toàn Công ty.**

- Tập trung phát triển và tái cơ cấu Công ty theo hướng: Công ty mẹ CTIN và các Công ty con cũng như các Công ty liên kết sẽ hoạt động theo mô hình “Công ty Mẹ - Con”, trong đó pháp nhân CTIN sẽ đóng vai trò là nhà đầu tư và kiểm tra giám sát các Công ty con, Công ty liên kết;
- Chuyển dần quan hệ giữa CTIN với các khách hàng từ quan hệ mua – bán sang quan hệ thuê mua định kỳ, là đối tác theo định hướng chia sẻ lợi ích, đôi bên cùng có lợi;
- Hợp tác với các nhà khai thác dịch vụ Viễn thông và CNTT nhằm cung cấp các dịch vụ GTGT cho khách hàng tiêu dùng cuối. Khai thác dữ liệu khách hàng (big data mining) nhằm phát triển thêm các dịch vụ giúp các nhà khai thác tăng trưởng nhưng cũng đồng thời cải thiện trải nghiệm của khách hàng.

### **3.5. Giải pháp**

- Tiếp tục tái cấu trúc Công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa đi kèm các chính sách kích thích khả năng cống hiến, khả năng sáng tạo của nhân viên trên toàn Công ty bao gồm: áp dụng KPI đến từng bộ phận, cải tiến hệ thống lương, thưởng sao cho cạnh tranh tốt trên thị trường nhân lực để có thể giữ được cán bộ nhân viên chất lượng cao, thu hút nhân lực có chất lượng tốt về Kinh doanh và Kỹ thuật cho Công ty;
- Xây dựng đội ngũ kế cận từ cấp Lãnh đạo đơn vị đến Lãnh đạo cấp cao;
- Xây dựng đội ngũ nhân lực có tư duy chiến lược, có khả năng phân tích tổng hợp nhằm hiểu biết các nền tảng kiến trúc tổng thể để có thể tư vấn cho khách hàng, đặc biệt tại các bộ phận kinh doanh bán hàng (Sales), bộ phận triển khai (Post sales);
- Xây dựng hệ thống tư vấn bán hàng (Pre-sales) và hỗ trợ kỹ thuật sau bán hàng (After-sales) bài bản, chuyên nghiệp nhằm gia tăng chất lượng giải pháp dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.
- Tiếp tục đầu tư cho Trung tâm nghiên cứu phát triển nhằm tạo ra giá trị riêng biệt và có tính đột phá cho Công ty trong tương lai;
- Tiếp tục thực thi các giải pháp tập trung hóa, minh bạch hóa các bộ phận hỗ trợ (back office) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, quản trị tốt rủi ro và đảm bảo tính tuân thủ;
- Tiếp tục kiên định mục tiêu chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh từ bị động sang chủ động, từ các giải pháp đơn giản sang các giải pháp có tính tích hợp và độ phức tạp cao, từ mô hình mua – bán truyền thống sang mô hình cung cấp nền tảng với các hình thức chia sẻ doanh thu – lợi nhuận hay cho thuê dài hạn.

## PHẦN 5. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2.	Ông Tô Hoài Văn	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3.	Ông Hà Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
4.	Ông Hoàng Anh Lộc	Thành viên Hội đồng quản trị
5.	Ông Nguyễn Thế Thịnh	Thành viên Hội đồng quản trị
6.	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị
7.	Ông Phạm Văn Hạnh	Thành viên Hội đồng quản trị

#### 1.2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc và các thành viên Ban giám đốc điều hành Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị (trừ Chủ tịch HĐQT) đều kiêm nhiệm các chức vụ chủ chốt trong Ban lãnh đạo điều hành, chính vì vậy các định hướng và quyết sách của Hội đồng quản trị đều được Ban giám đốc Công ty thực hiện và triển khai nghiêm túc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	01/NQ/HĐQT-CTIN	18/3/2020	- Thông qua kết quả hoạt động SXKD 2019; - Thông qua kế hoạch SXKD năm 2020 và giao BSC/KPI cho Ban Tổng giám đốc; - Thông qua phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2019; - Thông qua các nội dung cơ bản trình ĐHCĐ thường niên năm 2020.
2.	03/NQ-HĐQT	27/04/2020	- Thông qua chủ trương hợp tác với các đối tác chiến lược để nghiên cứu và phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng trên nền tảng mạng di động.
3.	04/NQ-HĐQT	28/04/2020	- Thông qua chủ trương cho phép Chi nhánh miền Nam được quyền đứng tên sử dụng hạn mức tín dụng tại NHTMCP Đại Chúng Việt Nam để phục vụ hoạt động SXKD năm 2020.
4.	05/NQ/HĐQT-CTIN	07/5/2020	- Thông qua thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.
5.	09/2020/NQ-HĐQT	23/6/2020	- Thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền phần còn lại của năm 2020.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
6.	10/2020/NQ-HĐQT	29/6/2020	- Thông qua việc thay đổi ngày chốt quyền hưởng cổ tức bằng tiền phần còn lại của năm 2020.
7.	11/NQ-HĐQT	10/09/2020	- Thông qua định hướng phát triển kinh doanh của CTIN PAY.
8.	13/NQ-HĐQT	10/9/2020	- Thông qua việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
9.	16/NQ-HĐQT	28/10/2020	- Thông qua chủ trương cử đại diện tham gia thành lập công ty HISSC.
10.	17/NQ-HĐQT	08/11/2020	- Thông qua việc ký hợp đồng cung cấp PC với VNPT IT.
11.	18/NQ-HĐQT	18/11/2020	- Thông qua việc ký hợp đồng mua hàng hóa của Công ty CP kỹ thuật số Việt phục vụ dự án tại Viettel.
12.	20/NQ-HĐQT	25/12/2020	- Thông qua việc chi trả cổ tức tạm ứng lần 1 năm 2020.

Nhìn chung các cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức đúng quy định, giải quyết kịp thời và hiệu quả các công việc của Công ty góp phần thực hiện đầy đủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và hoàn thành tốt nhất kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020.

## **2. Hoạt động của Ban kiểm soát**

### **2.1. Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Bà Lâm Nhị Hà	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Ông Nguyễn Thành Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát
3.	Bà Nguyễn Thị Thuý Hà	Thành viên Ban kiểm soát (kể từ ngày 19/6/2020)

### **2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- BKS được mời tham gia các cuộc họp HĐQT, nắm bắt các thông tin, nội dung của các cuộc họp HĐQT và đã đưa ra một số kiến nghị phù hợp với các chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- BKS thường xuyên xem xét, rà soát các báo cáo kinh doanh định kỳ, báo cáo Tài chính của Công ty, nắm bắt các tồn tại, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đưa ra các kiến nghị kịp thời cho Ban Tổng giám đốc;
- BKS giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết của HĐQT và các quyết định của Ban giám đốc trong hoạt động SXKD theo các quy định hiện hành;

- BKS thực hiện giám sát tư cách Đại biểu cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

**2.3. Sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác**

- BKS được HĐQT mời tham gia các cuộc họp HĐQT, được HĐQT gửi các biên bản cuộc họp và các nghị quyết HĐQT;
- BKS được Ban giám đốc điều hành gửi báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, năm và các báo cáo kinh doanh định kỳ theo quy định chung của Công ty. Thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính theo thẩm quyền quy định tại điều lệ Công ty.
- BKS cũng thông báo cho HĐQT; Ban Tổng giám đốc nội dung các cuộc họp Ban kiểm soát. Thông báo kịp thời các vướng mắc, tồn tại trong hoạt động SXKD cho Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ.

**2.4. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021**

- Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ theo Điều lệ, Quy chế hoặc đột xuất nếu cần thiết;
- Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban Điều hành Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành, thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ và thực hiện đúng các quy trình, quy chế của Tổng công ty;
- Tăng cường kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị;
- Kiểm soát hoạt động và kiểm tra các Báo cáo tài chính của Tổng công ty theo đúng các quy định và chuẩn mực kế toán hiện hành, đảm bảo BCTC phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty;
- Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và phương hướng hoạt động trong năm 2021.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
HÀ THANH HẢI**

**PHẦN 6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO  
TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2020**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG – TIN HỌC BƯU ĐIỆN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

---

Tháng 03 năm 2021



RI S O P < | a ||

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 33



33  
3  
H  
G  
D  
M

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN

158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông Tô Hoài Văn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Thanh Hải	Ủy viên
Ông Phạm Văn Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Ủy viên
Ông Hoàng Anh Lộc	Ủy viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Lộc	Phó Tổng Giám đốc

##### Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo bao gồm

Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN**  
158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Hà Thanh Hải**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

5858  
IG T  
JHH  
TO  
C  
10

1/1/21



Số: 113 /VACO/BCKIT.NV2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2021, từ trang 04 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Đức Tiên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

**Ngô Tiến Thành**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3754-2021-156-1

Văn Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh  
Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-28) 3840 6618  
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng tại Tp. Đồng Nai  
Số 79 D. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng  
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai  
Tel: (84-251) 382 8560  
Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng tại Tp. Hải Phòng  
Tầng 4, số 19, Đ. Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ  
Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-225) 353 4655  
Fax: (84-225) 353 4316

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.957.386.565.330</b>	<b>2.024.262.586.492</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>294.570.106.822</b>	<b>348.817.212.130</b>
1. Tiền	111		114.570.106.822	83.517.212.130
2. Các khoản tương đương tiền	112		180.000.000.000	265.300.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.087.787.512.269</b>	<b>1.378.606.784.368</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.065.876.516.017	1.369.608.317.405
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	13.917.384.577	7.072.705.063
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.993.611.675	1.925.761.900
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>521.539.478.676</b>	<b>274.385.499.932</b>
1. Hàng tồn kho	141		522.470.700.321	275.626.665.339
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(931.221.645)	(1.241.165.407)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.489.467.563</b>	<b>2.453.090.062</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	8.536.288.720	2.349.409.543
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.430.239.216	103.680.519
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	17	522.939.627	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>203.360.037.625</b>	<b>172.515.951.343</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>352.964.099</b>	<b>323.951.299</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	352.964.099	323.951.299
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>139.082.019.918</b>	<b>114.380.534.964</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	57.442.788.244	40.315.686.940
- Nguyên giá	222		200.063.491.798	177.791.618.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(142.620.703.554)	(137.475.931.333)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	81.639.231.674	74.064.848.024
- Nguyên giá	228		88.783.151.938	81.024.027.224
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.143.920.264)	(6.959.179.200)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.729.267.566</b>	<b>15.851.119.734</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	16.729.267.566	15.851.119.734
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>40.799.282.000</b>	<b>40.203.656.000</b>
1. Đầu tư góp vốn và đơn vị khác	253		41.191.000.000	41.191.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(391.718.000)	(987.344.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.396.504.042</b>	<b>1.756.689.346</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	6.396.504.042	1.756.689.346
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.160.746.602.955</b>	<b>2.196.778.537.835</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.462.750.633.544</b>	<b>1.510.049.461.556</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.455.315.470.652</b>	<b>1.501.619.726.983</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	567.579.967.539	468.380.205.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	58.970.099.653	34.990.426.515
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	6.391.326.398	37.367.235.204
4. Phải trả người lao động	314		32.123.768.012	41.817.855.264
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	52.917.817.782	36.885.951.223
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		116.767.051	540.465.956
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	14.717.367.727	7.585.601.810
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	691.233.763.905	829.797.961.309
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	13.037.500.878	30.129.822.158
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.227.091.707	14.124.201.873
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.435.162.892</b>	<b>8.429.734.573</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	1.147.800.665	1.233.310.665
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	6.287.362.227	2.196.423.908
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	5.000.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>697.995.969.411</b>	<b>686.729.076.279</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>697.995.969.411</b>	<b>686.729.076.279</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		321.850.000.000	321.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		321.850.000.000	321.850.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.512.000.000	2.512.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		96.915.896.964	96.915.896.964
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		276.718.072.447	265.451.179.315
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		208.695.157.660	175.686.280.714
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		68.022.914.787	89.764.898.601
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.160.746.602.955</b>	<b>2.196.778.537.835</b>



Hà Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.582.947.801.318	2.261.186.738.758
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	-	917.490.489
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.582.947.801.318	2.260.269.248.269
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	1.431.084.099.723	2.041.958.907.191
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		151.863.701.595	218.310.341.078
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	28.164.855.011	28.215.107.276
7. Chi phí tài chính	22	28	46.273.221.791	41.489.689.249
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		34.736.290.464	31.866.208.572
8. Lãi (lỗ) trong công ty liên kết liên doanh	24		-	(2.294.319.877)
9. Chi phí bán hàng	25	29	15.311.382.001	45.842.733.079
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	37.385.022.513	52.292.811.093
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		81.058.930.301	104.605.895.056
12. Thu nhập khác	31	31	5.155.984.942	6.535.436.267
13. Chi phí khác	32		4.376.370.429	1.852.065.750
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		779.614.513	4.683.370.517
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		81.838.544.814	109.289.265.573
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	13.815.630.027	19.524.366.972
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		68.022.914.787	89.764.898.601
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.113,50	2.525,60



Hà Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	81.838.544.814	109.289.265.573
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT, phân bổ lợi thế thương mại	02	8.101.035.536	10.009.817.761
- Các khoản dự phòng	03	(905.569.762)	88.975.677
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	134.730.486	5.097.333
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19.482.291.750)	(23.417.953.528)
- Chi phí lãi vay	06	34.736.290.464	31.866.208.572
- Các khoản điều chỉnh khác (hoàn nhập "Quỹ phát triển khoa học và công nghệ")	07	(5.000.000.000)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	99.422.739.788	127.841.411.388
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	265.544.559.044	(254.222.070.890)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(246.844.034.982)	240.618.789.648
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	98.907.792.591	2.164.186.510
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(10.826.693.873)	174.090.179
- Tiền lãi vay đã trả	14	(33.901.886.977)	(31.783.094.784)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.132.879.143)	(11.214.717.521)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.375.631.821)	(6.650.679.442)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	141.793.964.627	66.927.915.088
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(29.123.297.856)	(18.089.255.656)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	145.999.999	434.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(20.000.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.700.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.715.203.481	25.096.057.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.262.094.376)	(15.258.652.315)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.256.449.073.532	1.240.322.362.361
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.395.013.270.936)	(1.117.347.603.551)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(48.214.778.155)	(31.898.304.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(186.778.975.559)	91.076.454.050
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(54.247.105.308)	142.745.716.823
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	348.817.212.130	206.071.495.307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	294.570.106.822	348.817.212.130



Hà Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn  
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG – TIN HỌC BƯU ĐIỆN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

---

Tháng 03 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN**

158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	8-32

28  
CỔ  
T  
IẾ  
V  
VH  
IÊN  
BA

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN

158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông Tô Hoài Văn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Thanh Hải	Ủy viên
Ông Phạm Văn Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Ủy viên
Ông Hoàng Anh Lộc	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Lộc	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật trong năm và cho đến ngày lập báo cáo là

Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN**

158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

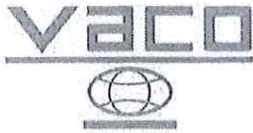
Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



**Hà Thanh Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021



Số: 112 /VACO/BCKIT.NV2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2021, từ trang 04 đến trang 32 bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (gọi chung là "báo cáo tài chính tổng hợp").

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



**Nguyễn Đức Tiến**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

**Ngô Tiên Thành**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3754-2021-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.953.006.466.678</b>	<b>2.018.545.658.698</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>290.684.575.150</b>	<b>343.272.144.247</b>
1. Tiền	111		110.684.575.150	83.272.144.247
2. Các khoản tương đương tiền	112		180.000.000.000	260.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.087.787.512.269</b>	<b>1.378.547.685.739</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.065.876.516.017	1.369.608.317.405
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	13.917.384.577	7.072.705.063
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.993.611.675	1.866.663.271
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>521.539.478.676</b>	<b>274.385.499.932</b>
1. Hàng tồn kho	141		522.470.700.321	275.626.665.339
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(931.221.645)	(1.241.165.407)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.994.900.583</b>	<b>2.340.328.780</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	8.507.768.435	2.340.328.780
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.964.192.521	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	17	522.939.627	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>248.117.448.438</b>	<b>222.283.755.570</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>352.964.099</b>	<b>323.951.299</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	352.964.099	323.951.299
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>138.963.441.038</b>	<b>114.148.559.276</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	57.324.209.364	40.083.711.252
- Nguyên giá	222		199.496.507.798	177.224.634.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(142.172.298.434)	(137.140.923.021)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	81.639.231.674	74.064.848.024
- Nguyên giá	228		88.783.151.938	81.024.027.224
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.143.920.264)	(6.959.179.200)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.729.267.566</b>	<b>15.851.119.734</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	16.729.267.566	15.851.119.734
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>90.799.282.000</b>	<b>90.203.656.000</b>
1. Đầu tư và công ty con	251		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn và đơn vị khác	253		41.191.000.000	41.191.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(391.718.000)	(987.344.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.272.493.735</b>	<b>1.756.469.261</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.272.493.735	1.756.469.261
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.201.123.915.116</b>	<b>2.240.829.414.268</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.511.965.543.099</b>	<b>1.560.917.444.584</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.504.530.380.207</b>	<b>1.552.487.710.011</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	565.811.467.539	468.380.205.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	58.970.099.653	34.990.426.515
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	6.078.627.049	35.662.958.555
4. Phải trả người lao động	314		32.108.918.012	41.817.855.264
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	54.228.776.686	38.466.010.900
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		116.767.051	540.465.956
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	14.717.367.727	7.585.601.810
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	741.233.763.905	880.790.161.309
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	13.037.500.878	30.129.822.158
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.227.091.707	14.124.201.873
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.435.162.892</b>	<b>8.429.734.573</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	1.147.800.665	1.233.310.665
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	6.287.362.227	2.196.423.908
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	5.000.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>689.158.372.017</b>	<b>679.911.969.684</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>689.158.372.017</b>	<b>679.911.969.684</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		321.850.000.000	321.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		321.850.000.000	321.850.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.512.000.000	2.512.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		96.915.896.964	96.915.896.964
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		267.880.475.053	258.634.072.720
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		201.878.051.065	169.027.145.180
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		66.002.423.988	89.606.927.540
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.201.123.915.116</b>	<b>2.240.829.414.268</b>



Hà Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.582.947.801.318	2.261.186.738.758
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	-	917.490.489
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.582.947.801.318	2.260.269.248.269
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	1.431.084.099.723	2.041.958.907.191
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		151.863.701.595	218.310.341.078
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	27.940.342.421	27.929.143.460
7. Chi phí tài chính	22	28	49.318.614.018	44.674.776.871
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		37.781.682.691	35.051.296.194
8. Chi phí bán hàng	25	29	15.311.382.001	45.842.733.079
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	36.640.731.195	51.887.123.327
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		78.533.316.802	103.834.851.261
11. Thu nhập khác	31	31	5.155.984.942	6.535.436.267
12. Chi phí khác	32	32	4.376.370.429	1.852.065.750
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		779.614.513	4.683.370.517
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		79.312.931.315	108.518.221.778
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	13.310.507.327	18.911.294.238
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		66.002.423.988	89.606.927.540



Hà Thanh Hải  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Ngọc Sơn  
 Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn  
 Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>79.312.931.315</b>	<b>108.518.221.778</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	7.987.638.728	9.896.420.953
- Các khoản dự phòng	03	(905.569.762)	88.975.677
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	134.730.486	5.097.333
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19.257.779.160)	(25.426.309.589)
- Chi phí lãi vay	06	37.781.682.691	35.051.296.194
- Các khoản điều chỉnh khác (hoàn nhập "Quỹ phát triển khoa học và công nghệ")	07	(5.000.000.000)	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>100.053.634.298</b>	<b>128.133.702.346</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	265.906.925.220	(254.322.145.438)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(246.844.034.982)	233.549.484.898
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	97.121.142.591	(1.991.650.168)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(5.683.464.129)	178.419.448
- Tiền lãi vay đã trả	14	(36.947.279.204)	(34.850.294.784)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24.232.879.143)	(11.214.717.521)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.375.631.821)	(6.650.679.442)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>144.998.412.830</b>	<b>52.832.119.339</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(29.123.297.856)	(6.746.226.606)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	145.999.999	434.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(20.000.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.700.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.162.491.489	24.808.428.519
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(9.814.806.368)</b>	<b>(4.203.252.633)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.252.142.380.532	1.243.389.562.361
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.391.698.777.936)	(1.117.347.603.551)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(48.214.778.155)	(31.898.304.760)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(187.771.175.559)</b>	<b>94.143.654.050</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(52.587.569.097)</b>	<b>142.772.520.756</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>343.272.144.247</b>	<b>200.499.623.491</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>290.684.575.150</b>	<b>343.272.144.247</b>



Hà Thành Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn  
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

## ***THÔNG TIN LIÊN HỆ***

### ***CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG – TIN HỌC BƯU ĐIỆN (CTIN)***

Địa chỉ: 158/2 Phố Hồng Mai, P. Quỳnh Lôi, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.38634597

Fax: 024.38632061

Email: [info@ctin.vn](mailto:info@ctin.vn)

***Thông tin cá nhân liên hệ trực tiếp khi cần tìm hiểu thông tin doanh nghiệp:***

#### **Ông Nguyễn Trí Dũng**

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Điện thoại cố định: 024.38634597

#### **Bà Lâm Nhị Hà**

- Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
- Điện thoại cố định: 024.38634597